

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 201/2024/HS-ST

Ngày: 26-7-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch

Ông Đinh Ngọc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 đến 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 148/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2024/QĐXXST-HS ngày 18/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/HSST – QĐ ngày 02/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Bảo C, sinh năm 1998 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu V, phường T, Quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Trần Văn Ú (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1958; Chưa có chồng con; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị giam giữ từ ngày bị cáo ra đầu thú 20/11/2023. (có mặt).

2. Trần Nhật M, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Trần Minh H1, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1968; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Họ tên vợ: Lê Thị Thúy N, sinh năm 1991; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị giam giữ từ ngày bị cáo ra đầu thú 17/9/2023 (có mặt).

3. Hà Cẩm T, sinh năm 1992 tại An Giang; Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: thợ cắt tóc; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Hà Văn H3 (đã chết) và bà Hoa Thị K (đã chết); Chưa có chồng con; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị giam giữ từ ngày bị cáo ra đầu thú 19/9/2023. (có mặt);

4/ Nguyễn Giang Trung K1, sinh năm 2000 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Phụ xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn C1, sinh năm 1971 và bà Giang Trần Ánh M1, sinh năm 1975; Chưa có vợ con; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị giam giữ từ ngày bị cáo ra đầu thú 17/9/2023. (có mặt);

- **Người bào chữa cho bị cáo Hà Cẩm T và bị cáo Trần Bảo C:** Ông Trần Văn D – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: Lầu A, A N, phường H, thành phố T, TP . Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Bị hại:** Chị Tào Thị B, sinh năm 2000; HKTT: Ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ liên lạc: Ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Tuấn T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2023, Trần Bảo C có quen biết và quan hệ yêu đương với chị Tào Thị B (hiện đang làm công nhân tại Công ty P – Khu công nghiệp B, huyện T, tỉnh Đồng Nai). Trong thời gian này chị B có vay của C số tiền 30.000.000 đồng để mua xe máy, đến tháng 6/2023 thì C và chị B chia tay, C nhiều lần đòi lại số tiền trên nhưng chị B không có tiền trả.

Ngày 02/9/2023, C từ Đài Loan về Việt Nam và gặp Hà Cẩm T cả hai cùng đi đến thành phố Cần Thơ chơi, trong quá trình đi chơi thì C có nói cho T biết việc B nợ C số tiền 30.000.000 đồng nhưng không trả. Đến ngày 11/9/2023, C rủ T đi lên tỉnh Đồng Nai gặp B để đòi số tiền trên thì T đồng ý. C và T đón xe khách từ Cần Thơ lên quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, C mượn xe mô tô biển số 69L1-253.77 của chị Đỗ Hoài N1 (sinh năm 2002, trú tại ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau) là bạn của C và cả hai cùng đến huyện T, tỉnh Đồng Nai. Qua giới thiệu của H4 (không rõ nhân thân, lai lịch), C liên lạc với Trần Nhật M nhờ M tìm chị B để

đòi số tiền 30.000.000 đồng thì M đồng ý và hẹn gặp tại quán cà phê để thỏa thuận. Đến khoảng 12 giờ ngày 13/9/2023, T điều khiển xe mô tô chở C đi đến quán cà phê không tên gần Công ty S1 thuộc khu công nghiệp B, huyện T để gặp M. Tại đây C nói cho M biết B đang làm công nhân tại Công ty P và đưa hình ảnh của B cho M xem, C thỏa thuận nếu lấy được số tiền 30.000.000 đồng từ Bướm thì C chia cho M số tiền 10.000.000 đồng, cả hai bên đồng ý. Lúc này, M rủ Nguyễn Giang Trung K1 đến Công ty P để bắt chị B đòi tiền thì K1 đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, M điều khiển xe mô tô biển số 68F2-023.34 đến cổng Công ty P thuộc Khu công nghiệp B, huyện T và gọi điện cho C và K1 đến. T điều khiển xe mô tô biển số 69L1-253.77 chở C đến cổng Công ty P, khi đến T đứng ngoài cổng, M sử dụng xe mô tô chở C đi vào trong công ty. Khi đi đến sân bóng Công ty P thì C thấy chị B đang dẫn xe mô tô biển số 60F3 – 290.63 đi ra, khi thấy C và M thì chị B bỏ chạy. M chạy đuổi theo và dùng tay khống chế chị B đè xuống đất, lúc này C yêu cầu chị B trả tiền nhưng chị B không đồng ý trả thì M dùng tay đánh liên tiếp 03 cái vào mặt chị B và yêu cầu chị B trả tiền. Bảo vệ của Công ty P đi đến nên C điều khiển xe mô tô biển số 60F3 – 290.63 của chị B, M dùng tay bóp cổ chị B từ phía sau và đẩy lên xe mô tô C đã chờ sẵn, M ngồi sau dùng tay giữ chị B, cả hai chở chị B bỏ chạy ra khỏi Công ty P. Khi đến ngã tư Khu công nghiệp B thì C yêu cầu chị B đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60F3 – 290.63 để bán xe trả nợ cho C thì chị B nói đã cầm tại tiệm cầm đồ “D” thuộc ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. C và M chở chị B đến tiệm cầm đồ “Duy Phát” thì M đưa chị B vào tiệm nhưng do chị B không có tiền nên M đã bỏ ra số tiền 500.000 đồng để chuộc giấy chứng nhận đăng ký xe của chị B. Lúc này K1 gọi điện thoại hỏi M thì M nói đã bắt được chị B và gửi định vị qua Zalo cho K1 để K1 chạy đến, C cũng gửi định vị qua Z cho T chạy đến. Sau khi lấy được giấy chứng nhận đăng ký xe thì cả nhóm gồm: C điều khiển xe mô tô chở chị B ngồi giữa, M ngồi sau giữ chị B, K1 điều khiển xe mô tô biển số 60B7-070.77 và T điều khiển xe mô tô biển số 69L1-253.77 đi theo sau đi đến cửa hàng mua bán xe máy “N” thuộc ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai do anh Nguyễn Tấn T2 (sinh năm 1990, trú tại ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai) làm chủ để bán xe mô tô biển số 60F3 - 290.63 của chị B. Khi đến M vào gặp anh T2 để thỏa thuận việc bán xe, sau khi kiểm tra xe xong thì anh T2 đồng ý mua xe với giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), lúc này chị B không đồng ý bán xe nhưng do lo sợ bị M đánh nên chị B đã đồng ý bán xe mô tô trên. Sau khi bán xe được 15.000.000 đồng thì M yêu cầu chị B đưa hết tiền cho C. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở chị B ngồi giữa, C ngồi sau, K1 điều khiển xe mô tô chở M quay lại Công ty P để M lấy xe mô tô. Lúc này do chị B còn nợ C 15.000.000 đồng nên cả nhóm thống nhất chở chị B về phòng trọ của chị B tại đường C thuộc thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để yêu cầu chị B phải viết giấy nợ, khi đến thì M và C đưa chị B vào phòng, T và K1 đứng trước phòng trọ. Tại đây C yêu cầu chị B viết giấy nợ C số tiền 15.000.000 đồng và vào ngày 10 hàng tháng chị B phải chuyển 1.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V số 0721000591758 của T, sau khi viết xong C là người giữ giấy nợ và cả nhóm đi về.

C chia cho M số tiền 6.000.000 đồng và thỏa thuận khi chị B chuyển khoản qua tài khoản của T thì T sẽ chuyển số tiền 4.000.000 đồng còn lại cho M. M chia cho K1 số tiền 1.500.000 đồng rồi cả nhóm đi về. Sau đó M quay lại tiệm bán xe “N” và được anh T2 cho 500.000 đồng tiền môi giới bán xe. Ngày 15/9/2023, chị B đã đến Đồn Công an Khu công nghiệp B2 để trình báo nội dung sự việc. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì Trần Nhật M, Nguyễn Giang Trung K1, Hà Cẩm T và Trần Bảo C đã đến Công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 127/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu honda Vario biển số 60F3 - 290.63, số máy: KF41E1518927, số khung: 4114KK518443, trị giá: 29.400.000 đồng (*hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Bảo C, Trần Nhật M, Nguyễn Giang Trung K1, Hà Cẩm T về các tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” để điều tra. Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với thương tích của chị Tào Thị B, do chỉ bị thương tích nhẹ nên chị B không yêu cầu giám định và không yêu cầu xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 màu đen và số tiền 4.500.000 đồng của Trần Nhật M ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Promax màu xanh; số tiền 1.500.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 60B7-070.77, số máy 5C64560958, số khung: RLCS5C640BY560956 của Nguyễn Giang Trung K1; 01 xe mô tô nhãn hiệu honda Vario biển số 60F3 - 290.63, số máy: KF41E1518927, số khung: 4114KK518443 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60F3 - 290.63; 01 USB có chứa file video hình ảnh xảy ra vụ án ngày 13/9/2023.

Tại bản Cáo trạng số 148/CT-VKS-TB ngày 02/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố các bị cáo Trần Nhật M, Trần Bảo C, Hà Cẩm T, Nguyễn Giang Trung K1 về tội “Cướp tài sản” và “Bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 168 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 168 và khoản 1 Điều 157 , Điều 38, Điều 58, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Xử phạt các bị cáo: Trần Nhật M, Trần Bảo C, Hà Cẩm T, Nguyễn Giang Trung K1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 06 đến 08 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tổng hợp hình phạt theo quy định.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án tuyên tịch thu sung công đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Promax màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 60B7-070.77, số máy 5C64560958, số khung: RLCS5C640BY560956 là các công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội; Đối với 01 USB có chứa file video hình ảnh xảy ra vụ án ngày 13/9/2023 chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Về dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình và đều có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Trần Bảo C và bị cáo Hà Cẩm T: Luật sư Trần Văn D trình bày ý kiến bào chữa: Về tội danh và khung hình phạt thì Luật sư cũng đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom. Tuy nhiên Luật sư phân tích về nguyên nhân, mục đích và vai trò của từng bị cáo để HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo cụ thể: hành vi phạm tội của bị cáo C và các bị cáo khác là cũng xuất phát từ một phần lỗi của bị hại là vay tiền của bị cáo C nhưng cố tình không trả. Trong vụ án này bị cáo Hà Cẩm T mục đích là đi đòi nợ cùng với bị cáo C nhưng bản thân bị cáo T không tham gia trực tiếp vào chuỗi hành vi phạm tội chung với các bị cáo khác mà hành vi của bị cáo T là chỉ giúp sức về mặt tinh thần. Đối với hành vi dùng vũ lực của bị cáo M cũng chưa phải là với tính chất dùng vũ lực ngay tức khắc do chính bị hại là người mở khóa xe cho bị cáo C chở đi; Đối với hành vi của tội “Bắt giữ người trái pháp luật” thì được cấu thành sau khi bị hại trả được khoản nợ 15.000.000 đồng, do còn thiếu lại 15.000.000 đồng nên các bị cáo mới chở bị hại về phòng trọ để nhằm mục đích viết giấy nhận nợ nên mức độ của hành vi phạm tội cũng ở mức nhẹ. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo C, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cụ thể bị cáo C, T không dùng vũ lực đối với bị hại, bản thân hai bị cáo đều không nghĩ những việc làm của mình sẽ cấu thành tội phạm do bản thân nhận thức pháp luật còn hạn chế đồng thời các bị cáo cũng phạm tội lần đầu, đều ăn năn hối cải, bị hại B cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc về mức hình phạt xử bị cáo C và T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát

nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại chị Tào Thị B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tuấn T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội và điều luật áp dụng: Vào ngày 13/9/2023 tại Công ty Pousung khu công nghiệp B huyện T, tỉnh Đồng Nai, Trần Nhật M có hành vi dùng tay đánh 03 cái vào mặt chị Tào Thị B và không chế bắt, giữ chị B đưa lên xe mô tô để Trần Bảo C chở đi đến tiệm M2 thuộc ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai để cả nhóm gồm Trần Nhật M, Trần Bảo C, Hà Cẩm T, Nguyễn Giang Trung K1 ép chị B bán xe mô tô nhãn hiệu Vario biển số 60F3 - 290.63 của chị B chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng, sau đó cả nhóm đưa chị B về phòng trọ tại khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để ép chị B phải viết giấy nợ Trần Bảo C số tiền 15.000.000 đồng.

Như vậy hành vi của các bị cáo Trần Bảo C, Trần Nhật M, Hà Cẩm T, Nguyễn Giang Trung K1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp tài sản*” và “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại Khoản 1 Điều 168 và Khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền nhân thân và quyền tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nguyên nhân xuất phát từ việc bị hại chị Tào Thị B nợ tiền của bị cáo C nhưng không trả mà còn lẩn trốn nên bị cáo C đã nhờ các bị cáo T, M, K1 cùng tham gia để bắt giữ bị hại, dùng vũ lực đánh bị hại để đòi tiền nợ, ép bị hại phải bán xe để trả nợ và viết giấy nhận nợ. Tuy nhiên trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn, trong đó vai trò của các bị cáo cụ thể như sau: Bị cáo C là người khởi xướng, rủ bị cáo T và M tham gia, M là người rủ K1 tham gia. M là người trực tiếp đuổi theo và không chế chị B đè chị B xuống đất, đồng thời M là người đánh vào mặt chị B, yêu cầu chị B trả tiền, M còn dùng tay bóp cổ chị B1 và yêu cầu chị B lên xe mô tô, nên trong vụ án này bị cáo C là người khởi xướng nhưng hành vi của của bị cáo M là

nguy hiểm nhất nên bị cáo M và bị cáo C phải chịu hình phạt nặng nhất và ngang bằng nhau; Bị cáo T và bị cáo K1 mặc dù không trực tiếp tham gia khống chế, dùng vũ lực đối với bị hại B nhưng từ ban đầu bị cáo T đã đi theo và sau đó từ tiệm C2 thì bị cáo T và bị cáo K1 cũng là người trực tiếp đi theo để cổ vũ về mặt tinh thần và dùng số đông để uy hiếp tinh thần bị hại nên bị cáo K1 và T có vai trò thấp hơn bị cáo C, M. Tuy nhiên để thể hiện sự răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong toàn xã hội cần phải áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo K1 và bị cáo T là đồng phạm với vai trò giúp sức có vị trí thứ yếu trong vụ án và có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xét xử các bị cáo K1 và T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu sung công đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Promax màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 60B7-070.77, số máy 5C64560958, số khung: RLCS5C640BY560956 là các công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội;

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu honda Vario biển số 60F3 - 290.63, số máy: KF41E1518927, số khung: 4114KK518443 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60F3 - 290.63 là tài sản hợp pháp của chị Tào Thị B nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chị B là đúng quy định;

- Đối với số tiền 1.500.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Giang Trung K1; số tiền 4.500.000 đồng tạm giữ của Trần Nhật M, quá trình điều tra các bị cáo M và K1 đã tự nguyện bồi thường dân sự cho chị Tào Thị B, chị B không có yêu cầu gì khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Giang Trung K1; 4.500.000 đồng cho bị cáo Trần Nhật M là đúng quy định;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 của Trần Bảo C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Hà Cẩm T sử dụng vào mục đích phạm tội, sau khi gây án C và T đã bị mất điện thoại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu hồi được;

- Đối với xe mô tô biển số 69L1-25377 Trần Bảo C sử dụng vào ngày 13/9/2023 là tài sản của chị Đỗ Hoài N1 (sinh năm 2002, trú tại ấp X, xã V, huyện N, Cà Mau), chị N1 không biết việc C sử dụng xe mô tô trên vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ;

- Đối với 01 USB có chứa file video hình ảnh xảy ra vụ án ngày 13/9/2023 nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Trần Nhật M, Nguyễn Giang Trung K1, Hà Cẩm T và Trần Bảo C đã tự nguyện bồi thường cho chị Tào Thị B số tiền 24.000.000 đồng, chị B đã nhận đủ số tiền trên vào không có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Nguyễn Tuấn T1 là chủ tiệm mua bán xe “Nguyễn Thành” không có yêu cầu bồi thường dân sự.

[6] Đối với đối tượng H4 là người giới thiệu Trần Nhật M cho Trần Bảo C, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Tuấn T1 là chủ tiệm mua bán xe “Nguyễn T1”, khi mua bán xe anh T1 không biết việc Trần Nhật M cùng đồng phạm đánh chị B và bắt chị B phải bán xe mô tô biển số 60F3 – 290.63 để trả nợ nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt của các bị cáo C, M và đề nghị xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Đối với phần hình phạt của bị cáo K1 và bị cáo T Viện kiểm sát đề nghị là cao hơn so với mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với ý kiến bào chữa cho bị cáo C, bị cáo T của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho hai bị cáo cũng phù hợp một phần với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 168, khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, , Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tuyên bố các bị cáo Trần Nhật M, Trần Bảo C phạm tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo **Trần Nhật M** 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 06 (S) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2023.

Xử phạt bị cáo **Trần Bảo C** 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 06 (S) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 168, khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Giang Trung K1, Hà Cẩm T phạm tội “Cướp tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo **Hà Cẩm T** 02 (H5) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 06 (S) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (Hai) năm 06 (S) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Giang Trung K1** 02 (H5) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 06 (S) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **02 (Hai) năm 06 (S) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu sung công đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Promax màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 60B7-070.77, số máy 5C64560958, số khung: RLCS5C640BY560956.

(Các vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/5/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

3. Về án phí tòa án: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Buộc các bị cáo Trần Nhật M, Trần Bảo C, Hà Cẩm T, Nguyễn Giang Trung K1 mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo C, T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện;
- Người bào chữa;
- Đương sự vắng mặt;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hồng